

Số: 163/2026/QĐST-HNGĐ

Tây Ninh, ngày 20 tháng 5 năm 2026

**QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN
VÀ SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số: 252/2026/TLST-HNGĐ, ngày 22 tháng 4 năm 2026, giữa:

Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Cẩm N**, sinh năm 1997. Hộ khẩu thường trú: **Tổ I, khóm A, phường M, tỉnh Đồng Tháp**; hiện tạm trú: Phòng số 24, lầu 1, **nhà trọ H, ấp B, xã Đ, tỉnh Tây Ninh**.

Bị đơn: Anh **Trần Quốc T**, sinh năm 1986. Địa chỉ: **ấp T, xã P, tỉnh Tây Ninh**.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật Tố tụng dân sự số 92/2015/QH13;

Căn cứ vào các Điều 55, 81, 82, 83, 84 của Luật Hôn nhân và gia đình số 52/2014/QH13;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **12** tháng **5** năm 2026.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày **12** tháng 5 năm 2026 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn **giữa** chị **Nguyễn Thị Cẩm N** và anh **Trần Quốc T**.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về quan hệ hôn nhân: Chị **Nguyễn Thị Cẩm N** và anh **Trần Quốc T** xét thấy tình cảm vợ chồng thật sự không còn, chị **N** và anh **T** thống nhất thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị **Nguyễn Thị Cẩm N** và anh **Trần Quốc T** thoả thuận: Giao cho chị **Nguyễn Thị Cẩm N** trực tiếp nuôi con chung là **Trần Thị Hồng G**, sinh ngày 21/11/2018. Chị **Nguyễn Thị Cẩm N** không yêu cầu anh **Trần Quốc T** cấp dưỡng nuôi con.

Việc trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền của cha, mẹ không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Nghĩa vụ, quyền

của cha, mẹ trực tiếp nuôi con đối với người không trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Thay đổi người trực tiếp nuôi con sau khi ly hôn; Hạn chế quyền của cha, mẹ đối với con chưa thành niên; Cấp dưỡng nuôi con và thay đổi cấp dưỡng nuôi con được thực hiện theo quy định tại các Điều 81, 82, 83, 85, 110, 116 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

2.3. Về tài sản chung, nợ chung: Chị **Nguyễn Thị Cẩm N** và anh **Trần Quốc T** xác định không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí: Chị **Nguyễn Thị Cẩm N** và anh **Trần Quốc T** mỗi người phải chịu 75.000 đồng án phí dân sự sơ thẩm ly hôn. Chị **N** tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm ly hôn thay cho anh **T** nên chị **N** phải chịu 150.000 đồng án phí. Được khấu trừ vào số tiền tạm ứng án phí mà chị **N** đã nộp 300.000 đồng theo biên lai thu số 0008433 ngày 21/4/2026 tại Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh, hoàn trả cho chị **N** số tiền tạm ứng án phí còn thừa là 150.000 đồng.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Trường hợp quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 9 Luật Thi hành án Dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án Dân sự.

Nơi nhận:

- Dương sự;
- VKSND khu vực A - Tây Ninh;
- TAND tỉnh Tây Ninh;
- Thi hành án dân sự tỉnh Tây Ninh;
- UBND xã Phước Lý, tỉnh Tây Ninh
(đăng ký kết hôn ngày 09/4/2018 tại UBND xã L, huyện Cần Giuộc, tỉnh Long An)
- Lưu hồ sơ vụ án;

THẨM PHÁN

Võ Thị Minh Hiệp